

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 02 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Cao Phát

Ông Nguyễn Nam Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Oanh S, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Ngô Oanh S có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 10 năm 2020 và các lời khai của ông Ngô Oanh S thể hiện như Sau: Ông Oanh S và bà L chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống với bà L có hai người con chung tên Ngô Kim N, sinh ngày 28/11/2018 và Ngô Kim N1, sinh ngày 28/11/2018, hiện hai cháu N và N1 đang sống chung với bà L. Nguyên nhân mâu thuẫn là bắt nguồn từ việc bà L không lo làm ăn, ông thường xuyên khuyên bảo để cho L cố gắng cùng ông lo làm kiếm tiền và nuôi dạy các con khôn lớn nhưng bà L vẫn không thay đổi. Từ đó, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường hay xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên đã

không còn sống chung năm 2020 đến nay. Nay ông Oanh S không còn tình cảm với bà L nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề Su:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Oanh S yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Kim L.

Về con chung: Ông Oanh S thống nhất giao hai con chung tên Ngô Kim N, sinh ngày 28/11/2018 và Ngô Kim N1, sinh ngày 28/11/2018 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Oanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên ông Oanh S cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Kim L vắng mặt và có ý kiến trả lời bằng văn bản như Su:
Bà L và ông Oanh S chung sống với nhau vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống với ông Oanh S có hai người con chung tên Ngô Kim N, sinh ngày 28/11/2018 và Ngô Kim N1, sinh ngày 28/11/2018, hai cháu N và N1 hiện do bà đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên cả hai đã không còn sống chung năm 2020 đến nay. Nay bà L xét thấy không còn tình cảm, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên bà L có ý kiến như Su:

Về hôn nhân: bà L thống nhất ly hôn với ông Ngô Oanh S.

Về con chung: Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung tên Ngô Kim N, sinh ngày 28/11/2018 và Ngô Kim N1, sinh ngày 28/11/2018; bà L không yêu cầu ông Oanh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên bà L cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ông Oanh S và bà L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, ông Oanh S và bà L bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi, hôn nhân không thể hàn gắn vì hai bên không thể hòa giải. Nay ông Oanh S yêu cầu được ly hôn với bà L; đồng thời bà L có văn bản trả lời là đồng ý ly hôn với ông Oanh S nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Oanh S cho ông Oanh S được ly hôn với bà L là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông Oanh S và bà L đều thống nhất giao hai con tên Ngô Kim N và Ngô Kim N1 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, ông Oanh S thống nhất giao hai cháu tên Ngô Kim N và Ngô Kim N1 cho bà L trực tiếp chăm sóc

nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện và cũng phù hợp với ý kiến yêu cầu của bà L nên chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông Oanh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: không yêu cầu, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Oanh S và bà L tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Oanh S là nguyên đơn và bà L là bị điều đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Oanh S và bà L là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Ông Oanh S và bà L chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của ông Oanh S và bà L được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung thì ông Oanh S và bà L thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm nên trong cuộc sống hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn và vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Từ đó, ông Oanh S và bà L không còn quan tâm nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nếu kéo dài cuộc hôn nhân cũng không có ý nghĩa. Ông Oanh S yêu cầu được ly hôn với bà L và bà L có ý kiến là thống nhất ly hôn với ông Oanh S. Tuy cả hai thống nhất ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Oanh S là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về yêu cầu nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Oanh S thống nhất giao hai con tên Ngô Kim N và Ngô Kim N1 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng và bà L có ý kiến yêu cầu được nuôi hai con; ý kiến thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung tên Ngô Kim N và Ngô Kim N1 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L có ý kiến không yêu cầu ông Oanh S cấp dưỡng con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông Oanh S và bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Oanh S và bà L khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Oanh S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Oanh S, cho ông Ngô Oanh S được ly hôn với bà Nguyễn Kim L.

Về con chung: Chấp nhận ý kiến thỏa thuận của ông Ngô Oanh S và bà Nguyễn Kim L. Giao hai cháu Ngô Kim N, sinh ngày 28/11/2018 và Ngô Kim N1, sinh ngày 28/11/2018 cho bà Nguyễn Kim L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Su khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Kim L không yêu cầu ông Ngô Oanh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Ông Ngô Oanh S và bà Nguyễn Kim L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông Ngô Oanh S và bà Nguyễn Kim L khai không có nên nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Ngô Oanh S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004916 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Ông Ngô Oanh S đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cầu Kè;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai

